

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-8-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thơ

2. Ông Đoàn Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D**, sinh năm: 1995;

Nơi ĐKKHKT: tổ E, khu D phường L, Tp H, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: tổ D, khu D, phường L, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm: 1996;

Nơi ĐKKHKT: tổ E, khu D, phường L, Tp H, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: tổ D, khu D, phường L, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Trần Thị D trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Ngọc S vào ngày 02/10/2017 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, cả hai đều kết hôn lần đầu. Trước khi kết hôn, chị và anh S có thời gian tìm hiểu nhau là 03 tháng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chị không chung thủy với vợ, có chung sống với người phụ nữ khác. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị cũng đã nhiều lần nói chuyện với nhau tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Từ tháng 01 năm 2020 vợ chồng chị sống ly thân

đến nay, thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không tìm cách hòa giải với nhau nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thiên T, sinh ngày 01/10/2016. Quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, yêu cầu anh S cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ ngày Tòa án giải quyết cho ly hôn đến khi con chung thành niên. Tại phiên tòa chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không có việc làm ổn định. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc S không vay nợ chung của tổ chức, cá nhân nào. Về án phí: Chị tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc S, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh S không đến Tòa án, không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân, khu phố nơi vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại thể hiện: chị D và anh S đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 5, khu 4, phường Hà Lâm, Tp Hạ Long. Hiện nay anh chị đang sinh sống tại tổ 4, khu 4, phường Hà Lâm, Tp Hạ Long nhưng không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú. Trong quan hệ hôn nhân của anh S và chị D có xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng không trình bày nên tổ dân phố không biết được chính xác nguyên nhân mâu thuẫn, hiện tại anh S và chị D đang sống ly thân.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu quan điểm việc tuân theo phát luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, việc vắng mặt của bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều

228 Bộ luật tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát chủ yếu là do anh S không chung thủy, có quan hệ ngoài vợ chồng dẫn đến không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn đã phát sinh trong một thời gian dài nên hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo để hòa giải đoàn tụ anh S không chấp hành, thể hiện anh S không có thiện chí tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh S là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn nhân đã vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về tranh chấp nuôi con: chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc S có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Thiên T, sinh ngày 01/10/2016. Quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, yêu cầu anh S cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ ngày Tòa án giải quyết ly hôn đến khi con chung thành niên. Tại phiên tòa chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng do anh S không có việc làm ổn định. Xét hiện nay con đang sống cùng chị D, được nuôi dạy tốt, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con thấy cần giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; việc rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung là quyền của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về các vấn đề khác: vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Ngọc S

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Thiên T, sinh ngày 01/10/2016 cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Ngọc S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các quyền, nghĩa vụ khác của chị Trần Thị D, anh Nguyễn Ngọc S trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002218 ngày 25/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- UBND phường L, Tp H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Tâm

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- UBND phường Tuần Châu, Tp Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tâm

